

CÔNG CUỘC XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở LIÊN XÔ GIAI ĐOẠN 1953 - 1985: THÀNH TỰU, HẠN CHẾ, NGUYÊN NHÂN VÀ Ý NGHĨA, BÀI HỌC ĐỐI VỚI VIỆT NAM HIỆN NAY

PGS, TS. TRẦN THỊ MINH TUYẾT^(*)

Tóm tắt: Trong lịch sử cận - hiện đại, nếu C.Mác và Ph.Ăngghen đã đưa chủ nghĩa xã hội từ không tưởng trở thành khoa học, thì V.I.Lênin đã nỗ lực đưa chủ nghĩa xã hội khoa học từ lý thuyết trở thành thực tiễn ở nước Nga. Sự phát triển của Liên Xô và hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai không chỉ tạo ra đối trọng “đáng gờm” đối với các nước tư bản, mà còn tạo ra một xu hướng lựa chọn cho nhiều dân tộc. Tiếc rằng, nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới, dù đã vượt qua nhiều thử thách khốc liệt của lịch sử, cuối cùng lại tự sụp đổ. Nó là kết quả của sự tích tụ, dồn nén những khiếm khuyết, bất cập do không được khắc phục kịp thời trong suốt quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội nên đã tạo ra trong xã hội Xô viết những xung đột ngầm. Sai lầm của cải tổ và sự chống phá của lực lượng thù địch chỉ là nguyên nhân trực tiếp làm cho các xung đột đó trở thành “sóng thần”, làm tan vỡ “thành trì” của chủ nghĩa xã hội. Việc tìm hiểu sự vận dụng Chủ nghĩa Mác - Lênin về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô trong giai đoạn 1953-1985 thông qua các kết quả trên thực tế, sẽ giúp chúng ta rút ra những bài học quý cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: chủ nghĩa xã hội; Liên Xô; thành tựu, hạn chế, nguyên nhân; Việt Nam

1. Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô giai đoạn 1953-1985 - thành tựu, hạn chế và nguyên nhân

Giai đoạn 1953-1985 chính là khoảng thời gian “hậu Xtalin” và trước “cải tổ”. Cho dù có thể chia tách thời kỳ này thành 2 giai đoạn,

tương ứng với thời gian tại vị của Tổng Bí thư N.X.Khorutsốp và L.I.Brêgionhép cùng những người kế nhiệm, nhưng tựu chung, các nhà lãnh đạo Xô viết đều có một *kiểu tư duy* về chủ nghĩa xã hội. Do đó, lịch sử mà họ để lại cũng không quá khác biệt, có sự đan xen của thành tựu và hạn chế.

Không thể phủ nhận rằng, trong giai đoạn 1953 - 1985, Liên Xô đã đạt được nhiều thành

^(*)Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

tự về mọi lĩnh vực.

Về kinh tế, cả N.X.Khorutsóp và L.I.Brêgionhép đều nỗ lực tiến hành các cuộc cải cách kinh tế nhằm nhanh chóng xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô. Nhận ra sự mất cân đối trong cơ cấu công - nông nghiệp và sự cần thiết phải phát triển nông nghiệp để bảo đảm nhu cầu thiết yếu cho nhân dân, tại Hội nghị Trung ương tháng 9/1953, N.X.Khorutsóp đã chỉ rõ nguyên nhân kìm hãm sự phát triển của nông nghiệp chính là sự vi phạm nguyên tắc của V.I. Lênin về khuyến khích vật chất đối với người nông dân. Sau đó, một loạt các biện pháp lớn được ban hành như: đẩy mạnh công tác khai hoang, nâng cao giá thu mua nông sản; nâng cao ngân sách đầu tư cho nông nghiệp; khuyến khích nông trang viên làm kinh tế phụ; thực hiện chế độ hưu trí cho nông trang viên và nâng quyền tự chủ cho các nông trang... Nhờ đó, sản lượng ngũ cốc năm 1956 đạt 127 triệu tấn so với sản lượng trung bình trong giai đoạn 1949-1953 là 81 triệu tấn. Trong công nghiệp, Liên Xô chủ trương đẩy nhanh tiến độ kỹ thuật, thực hiện cơ khí hóa và tự động hóa để nâng cao năng suất lao động. Kết quả là sản lượng công nghiệp năm 1958 đã tăng gấp 3 lần so với năm 1950⁽¹⁾.

Khi trở thành người kế nhiệm của N.X.Khorutsóp, năm 1965, L.I.Brêgionhép cũng tiến hành cải cách kinh tế. Nông nghiệp lại được chú trọng, một loạt các chính sách khuyến nông đã được ban hành. Vì thế, trong giai đoạn 1965-1970, sản xuất nông nghiệp tăng 21% so với 12% trong 5 năm trước đó⁽²⁾. Năm 1970, Liên Xô đạt sản lượng ngũ cốc cao nhất trong lịch sử là 186 triệu tấn⁽³⁾, sự yêu cầu bức thiết trong nông nghiệp đã bước đầu được giải quyết. Cùng lúc đó, cải cách trong công nghiệp đã được tiến hành theo 3 nguyên tắc chính: tăng tính khoa học của việc lập kế hoạch; mở rộng quy chế tự hạch toán của các xí nghiệp và tăng cường sự kích thích kinh tế (cho phép các xí nghiệp lập quỹ khuyến khích). Nhờ các biện pháp đó, trong giai đoạn 1965 - 1970, tổng sản lượng công nghiệp tăng 56%. Thời kì 1970-

1985, ngành công nghiệp được đầu tư nhiều nhất là công nghiệp dầu khí để khai thác những mỏ dầu và khí đốt nằm ở vùng Tây Siberia. Cuộc khủng hoảng năng lượng năm 1973 và sự tăng mạnh giá dầu sau đó đã giúp Liên Xô có nguồn tài chính dồi dào để đầu tư cho nhiều ngành công nghiệp khác. Kết quả là, đến đầu những năm 80, Liên Xô đã đuổi kịp và thậm chí vượt Mỹ, Cộng hòa Liên bang Đức, Nhật Bản, Anh, Pháp về sản lượng tính theo đầu người trong một loạt ngành công nghiệp quan trọng, như thép, than, năng lượng điện, xi măng⁽⁴⁾; tổng sản lượng công nghiệp của Liên Xô chiếm 20% tổng sản phẩm công nghiệp thế giới⁽⁵⁾.

Cùng với những cải cách kinh tế, các nhà lãnh đạo cũng có sự nỗ lực nhất định trong việc dân chủ hóa đời sống đất nước. Tại Đại hội lần thứ XX (năm 1956), N.X.Khorutsóp đọc báo cáo "Về tệ sùng bái cá nhân và hậu quả của nó". Để khắc phục căn bệnh độc đoán, chuyên quyền, Ban lãnh đạo mới đề cao nguyên tắc lãnh đạo tập thể và mở rộng dân chủ trong xã hội. Hàng nghìn người bị xử oan dưới thời Xtalin được trả tự do và phục hồi danh dự. Quyền tự chủ cho các nước cộng hòa cũng được nói rộng. Tháng 7/1954, Nhà nước đã ra sắc lệnh công nhận địa vị hợp pháp của các dân tộc trước đó bị trừng phạt như dân tộc Đức, dân tộc Tacta, dân tộc Chechen, dân tộc Cuốc, dân tộc Ingusli... Họ được ra khỏi các trại tập trung và sau đó, một số nước cộng hòa tự trị, vùng tự trị của các dân tộc nêu trên đã được tái lập.

Về phương diện xã hội, nhờ những cải cách kinh tế, từ giữa năm 1950, mức sống của người dân Liên Xô dần được cải thiện. Từ năm 1960, Liên Xô thực hiện quy định ngày làm việc 7 giờ. Tính ưu việt xã hội chủ nghĩa thể hiện rõ nhất ở phương diện giáo dục và y tế. Sau Đại hội Đảng lần thứ XXII (năm 1961), Nhà nước ban hành chính sách giáo dục miễn phí đối với trung học phổ thông. Dịch vụ y tế của Liên Xô rất ấn tượng. Vấn đề nhà ở cũng được giải quyết khá tốt dù chỉ là nhà lắp ghép từ các tấm bê tông đúc sẵn. Dưới thời L.I.Brêgionhép (1964-1982), đời sống của người dân Xô viết

tiếp tục được cải thiện, thu nhập bình quân đầu người tiếp tục tăng. Từ năm 1967, Nhà nước thực hiện quy chế tuần làm việc 5 ngày. Xóa bỏ sự khác biệt giữa nông thôn và thành thị là mục tiêu chính trong chính sách xã hội của Nhà nước Liên Xô, cho nên, thu nhập của nông trang viên cũng dần được cải thiện; từ năm 1965, nông trang viên bắt đầu được hưởng trợ cấp hưu trí.

Cần khẳng định rằng, *phát triển văn hóa là thành tựu nổi bật nhất* của đất nước Xô viết trong giai đoạn 1953-1985. Đảng và Nhà nước Liên Xô rất quan tâm đến lĩnh vực giáo dục. Do phổ cập trung học đã hoàn tất và hệ thống các trường đại học được mở rộng với nhiều hình thức khác nhau, trình độ văn hóa giáo dục của công dân Liên Xô đứng ở hàng đầu thế giới. Mạng lưới thư viện không ngừng được mở rộng và người dân Xô viết được coi là những người đọc nhiều nhất thế giới.

Cũng trong thời kì này, khoa học cơ bản tiếp tục được phát triển mạnh, khoa học thực nghiệm cũng bắt đầu được chú trọng để phục vụ sản xuất. Sự ra đời của tàu phá băng nguyên tử Lenin vào năm 1959 là minh chứng cho việc sử dụng nguyên tử với mục đích hòa bình. Đặc biệt, Liên Xô đã đạt những kì tích vô cùng to lớn trong công cuộc chinh phục vũ trụ. Khoa học xã hội cũng được chú trọng và phát triển nhanh. Các bộ sách lịch sử, *Từ điển bách khoa Triết học*, *Từ điển bách khoa Lịch sử* được biên soạn hết sức công phu. Văn học thời kì này có sự cởi mở hơn so với thời Xtalin, nhiều nhà văn đạt giải thưởng Nobel văn học.

Về *chính sách đối ngoại*, Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở châu Âu đã kí Hiệp ước Vacsava vào năm 1955. Vận dụng quan điểm của V.I.Lenin về cùng tồn tại hòa bình, X.N.Khorutsốp đưa ra chủ trương hòa dịu với phương Tây. Tháng 9/1959, X.N.Khorutsốp thăm Mỹ. Trong những năm 1965-1985, Ban lãnh đạo mới đã đưa ra học thuyết về *chính sách đối ngoại* của Liên Xô, trong đó, cùng có sự hợp tác với các nước xã hội chủ nghĩa anh em là nhiệm vụ hàng đầu. Đối với các nước phương Tây thì Liên Xô tuyên bố thực hiện

chính sách ngoại giao cùng tồn tại hòa bình. Tháng 5/1972, Richard Nixon sang thăm Liên Xô và tháng 6/1973, L.I.Brêgionhép sang thăm Mỹ. Hiệp định về ngăn ngừa chiến tranh hạt nhân đã được kí kết giữa 2 nước. Sức mạnh quân sự vượt trội và vai trò trọng yếu của Liên Xô trong hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa cũng như phong trào giải phóng dân tộc đã khẳng định vị thế siêu cường của Liên Xô.

Bên cạnh những thành tựu to lớn về mọi mặt, sự phát triển của Liên Xô trong giai đoạn 1953 - 1985 cũng còn một số *hạn chế*.

Trong kinh tế, cải cách của N.X.Khorutsốp giai đoạn 1953-1964 và cải cách của L.I.Brêgionhép năm 1965 trên thực tế đều không đạt được mục tiêu đề ra. Đến đầu những năm 1980, nền kinh tế Liên Xô vẫn ở giai đoạn phát triển công nghiệp, trong khi kinh tế các nước đã chuyển sang giai đoạn khoa học - công nghiệp. Do năng suất lao động thấp dần, người lao động ngày càng thụ động, đến năm 1985, sản xuất công nghiệp giảm 2,5 lần, sản xuất nông nghiệp giảm 3,5 lần; thu nhập quốc dân giảm 2,5 lần, thu nhập thực tế tính theo đầu người giảm 3 lần so với năm 1970⁽⁶⁾. Năm 1983, Ban lãnh đạo Liên Xô cố gắng xoay chuyển tình thế bằng cách xiết chặt kỉ luật lao động thông qua các biện pháp hành chính nhưng tình hình không chuyển biến.

Cùng với khó khăn về kinh tế, *đời sống chính trị* của Liên Xô cũng rất ít phần phức tạp. Sau khi Xtalin qua đời, cuộc đấu tranh để giành quyền lực đã diễn ra. Có một đặc điểm chung của chế độ Xô viết là *vai trò của Đảng rất lớn*. Đảng lãnh đạo trước hết bằng đường lối, nhưng đường lối do các Đại hội Đảng trong thời kì này đề ra đều ít nhiều có tính ảo tưởng. Nếu Đại hội lần thứ XIX (tháng 10/1952 - lúc Xtalin còn sống) đã thông qua kế hoạch hoàn thành xây dựng chủ nghĩa xã hội và chuyển lên chủ nghĩa cộng sản, thì Đại hội Đảng bất thường lần thứ XXI (năm 1959) đã đưa ra đánh giá: Liên Xô đã giành thắng lợi hoàn toàn, triệt để trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bắt đầu xây dựng chủ nghĩa cộng sản.

Do đó, đến Đại hội XXII (năm 1961), Đảng đã thông qua *Cương lĩnh xây dựng chủ nghĩa cộng sản ở Liên Xô* trong thời hạn 20 năm. Đến thời L.I.Brêgionhép, tại Đại hội Đảng lần thứ XXIV (năm 1971), Đảng Cộng sản Liên Xô đưa ra khái niệm “*chủ nghĩa xã hội phát triển*” vì nhận ra rằng, mục tiêu cộng sản còn xa, lúc này, *cần xây dựng chủ nghĩa xã hội phát triển* để tạo bước đệm tiến lên chủ nghĩa cộng sản. Cho dù đã có sự điều chỉnh nhưng đường lối vẫn chưa sát với tình hình thực tế. Điều đáng lo ngại nữa là *tệ sùng bái cá nhân lại xuất hiện*. L.I. Brêgionhép đã được ca ngợi như nhà hoạt động chính trị lỗi lạc của thời đại và được phong tặng vô số các danh hiệu... Thêm vào đó, càng về sau, bộ máy Đảng và chính quyền ngày càng phình to, cán bộ ngày càng trở nên đặc quyền, đặc lợi.

Trong *đời sống xã hội*, mặc dù mức sống của người dân Xô viết đã từng bước được cải thiện, nhưng vẫn tồn tại sự chênh lệch khá lớn giữa nông thôn - thành thị và giữa các nước cộng hòa trong Liên bang. Mầm mống bất ổn trong xã hội Xô viết còn nảy sinh từ chính sách dân tộc với chủ trương “Nga hóa” các dân tộc khác.

Mặc dù phát triển *văn hóa* là thành tựu lớn nhất của Liên Xô nhưng trong sự phát triển đó vẫn tồn tại một số vấn đề cần khắc phục. Nền giáo dục Liên Xô có tính hàn lâm rất cao, nặng về lý thuyết; học sinh sau khi tốt nghiệp trung học phổ thông đều muốn học đại học. Vì thế, Liên Xô luôn rơi vào tình trạng “thừa thầy, thiếu thợ”, đặc biệt là thiếu đội ngũ công nhân có tay nghề cao.

Chính sách đối ngoại của Liên Xô thời kỳ này cũng có nhiều mâu thuẫn. Dưới thời N.X. Khorutsốp, mặc dù đã có chủ trương hòa dịu với Mỹ, nhưng cuộc khủng hoảng Vịnh Caribe (tháng 10/1962) đã đẩy hai bên quay trở lại tình trạng đối đầu. Trong quan hệ với các nước xã hội chủ nghĩa thì mâu thuẫn Xô - Trung ngày càng gay gắt. Mọi quan hệ với các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu cũng bị rạn nứt sau sự kiện “Mùa xuân Praha” năm 1968 (Liên Xô đưa quân vào Tiệp Khắc để ngăn chặn cuộc cải cách

theo xu hướng dân chủ). Đến cuối những năm 70, việc Liên Xô đưa quân vào Afghanistan và “sa lầy” ở đó cũng gây ra nhiều thiệt hại.

Những kết quả “trái chiều” nói trên chính là biểu hiện của những mâu thuẫn bên trong. Việc chỉ trong thời gian ngắn, những người cộng sản Xô viết có thể đưa một nước tư bản phát triển trung bình yếu như nước Nga trở thành một cường quốc trên thế giới thực sự là điều đáng khâm phục. Bên cạnh nguyên nhân khách quan là tài nguyên dồi dào thì cũng không thể phủ nhận ý chí, quyết tâm xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng Cộng sản Liên Xô và nhiệt tình, khát vọng của nhân dân Liên Xô trong công cuộc xây dựng chế độ mới. Với những thành tựu hết sức to lớn, trong thời gian dài, mô hình phát triển của Liên Xô chính là khuôn mẫu duy nhất đúng cho nhiều nước xã hội chủ nghĩa trên thế giới. Tuy nhiên, Liên Xô đã *phát triển nhanh nhưng thiếu bền vững*. Đó là *mô hình chủ nghĩa xã hội kiểu Xô viết* với nhiều khuyết tật - kết quả của những nhận thức giáo điều, sai lệch về chủ nghĩa xã hội và con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội so với quan điểm khoa học của Chủ nghĩa Mác - Lênin. Cụ thể là:

Thứ nhất, Đảng Cộng sản Liên Xô đã tuyệt đối hóa quan điểm của Chủ nghĩa Mác-Lênin về các vấn đề kinh tế. Từ quan điểm của Chủ nghĩa Mác - Lênin về chế độ công hữu với tư cách là đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội, Đảng Cộng sản Liên Xô đã nôn nóng tập thể hóa, quốc hữu hóa tràn lan ngay trong thời kỳ quá độ, bỏ qua nguyên tắc tự nguyện, từng bước và cùng có lợi mà V.I.Lênin đã đề ra. Mặc dù việc tập thể hóa, quốc hữu hóa đã diễn ra từ những năm 30 nhưng chủ trương chuyển các nông trang tập thể, kể cả các nông trang yếu kém, thành các nông trường quốc doanh từ năm 1957 để tăng cường khu vực nhà nước trong nông nghiệp, cũng thể hiện tư tưởng nóng vội của Đảng Cộng sản Liên Xô về vấn đề sở hữu.

Đảng Cộng sản Liên Xô cũng vận dụng một cách cứng nhắc quan điểm của V.I.Lênin về vai trò của công nghiệp nặng. V.I.Lênin từng nhấn mạnh rằng, để đưa nước Nga tiểu nông

thành một nước Nga công nghiệp thì phải ưu tiên phát triển công nghiệp nặng. Điều này hoàn toàn hợp lý, vì nước Nga chưa trải qua quá trình công nghiệp hóa. Tuy nhiên, việc duy trì quá lâu, quá lệch cơ cấu kinh tế ưu tiên phát triển công nghiệp nặng, luôn coi nông nghiệp và sản xuất hàng tiêu dùng chỉ là nhiệm vụ thứ yếu đã làm mục tiêu nâng cao mức sống của người dân khó được thực hiện. Trong khi đó, con người chính là mục tiêu và động lực của sự phát triển.

Thứ hai, kế hoạch xây dựng chủ nghĩa xã hội hay nội dung cải cách đều được xác định một cách chủ quan kiểu “đốt cháy giai đoạn”, duy ý chí. Khuyết điểm này cũng có căn nguyên từ vấn đề nhận thức. Quan niệm của Chủ nghĩa Mác - Lênin về đặc trưng của chủ nghĩa xã hội đã bị những người cộng sản Liên Xô “tối giản hóa” theo hướng: Cứ xác lập được chế độ công hữu và chuyên chính vô sản là đã có chủ nghĩa xã hội. Vì thế, họ đã đưa ra những nhận định mang tính ảo tưởng và đề ra các mục tiêu phi hiện thực. Căn bệnh thành tích và việc làm sai lệch các báo cáo từ đó cũng nảy sinh. Sự coi thường các quy luật khách quan đã bị trả giá bằng sự thất bại của các kế hoạch đề ra.

Không chỉ vậy, việc xác định nội dung cải cách, chiến lược kinh tế cũng bị chi phối bởi cảm tính của người đứng đầu. Sau chuyến thăm Mỹ năm 1959, N.X.Khorutsốp quyết định đưa cây ngô - một cây trồng phổ biến ở Mỹ vào sản xuất đại trà, mặc dù đất đai và khí hậu của Liên Xô không thích hợp với nó. Kế hoạch phiêu lưu đã bị trả giá bằng sự thất bát nặng nề. Đề án cải cách kinh tế cũng thiếu tính nhất quán: trong quản lý nông nghiệp, lúc thì Nhà nước khuyến khích mở rộng kinh tế phụ, lúc thì “thắt chặt” lại; trong quản lý sản xuất công nghiệp thì liên tục thay đổi cách thức quản lý (từ theo ngành dọc sang theo lãnh thổ và ngược lại).

Thứ ba, việc duy trì quá lâu cơ chế kế hoạch hóa cao độ và mô hình quản lý quan liêu bao cấp, mệnh lệnh hành chính đã triệt tiêu động lực làm việc cũng như năng lực sáng tạo của người sản xuất và cơ sở sản xuất.

Do đối lập tuyệt đối chủ nghĩa xã hội với chủ nghĩa tư bản, nền kinh tế Xô viết bỏ qua quy luật giá trị, kinh tế thị trường và nặng về tính kế hoạch hóa tập trung. Dưới thời L.I. Brêghinh, Nhà nước cũng thử nghiệm thực hiện cơ chế hạch toán kinh tế, nhưng cơ chế này không thể vận động trong bộ máy quan liêu - bao cấp. Khi Nhà nước là “ông chủ” lớn nhất và người lao động, đơn vị sản xuất chỉ là người làm thuê để nhận được đồng lương mang tính “cào bằng” thì người lao động không còn động lực làm việc và các xí nghiệp cũng rất hờ hững trong việc cải tiến kỹ thuật hay hiện đại hóa dây truyền sản xuất. Chính N.C.Baibacốp-người từng giữ chức Chủ nhiệm Ủy ban kế hoạch Nhà nước Liên Xô suốt 20 năm, đã nhận xét: “Trên khắp thế giới, các nhà quản lý kinh tế đều chạy theo các chuyên gia, còn ở nước ta thì các chuyên gia bị sưng trán vì va phải cánh cửa của những người quản lý kinh tế”⁽⁷⁾. Điều đó vừa làm chậm lại tiến trình nghiên cứu khoa học, vừa làm gia tăng tính yếu kém của mô hình quan liêu - bao cấp ở Liên Xô.

Thứ tư, đời sống chính trị của Liên Xô cũng có nhiều bất ổn mà nguyên nhân chính là do Đảng đã trở thành “đảng trị”, thu tóm mọi quyền lực, làm thay vai trò của Nhà nước. Đảng đã “sa vào” việc giải quyết những công việc hành chính cụ thể, chứ không chỉ là cơ quan vạch đường lối chiến lược. Khi vai trò của Đảng quá lớn thì các tổ chức khác, từ Nhà nước đến các tổ chức chính trị đều trở nên thụ động. Quyền lực của Đảng quá lớn nên đảng viên trở thành những người có đặc quyền, đặc lợi và sự tha hóa về động cơ chính trị đã diễn ra. Cũng vì Đảng có “quyền năng tối thượng” nên đường lối của Đảng đã trở thành chân lý “bất di bất dịch”, không được phản biện; căn bệnh “kiêu ngạo cộng sản” mà V.I.Lênin từng cảnh báo không được khắc phục; nguyên tắc “tự phê bình và phê bình” trong Đảng không được tuân thủ đầy đủ; dân chủ trong Đảng không được phát huy; ý kiến của quần chúng không được lắng nghe; căn bệnh độc đoán, chuyên quyền ngày càng phổ biến... Tất cả những hiện trạng

tiêu cực đó đã làm cho hệ thống chính trị của Liên Xô ngày càng tha hóa, nhân dân ngày càng thờ ơ trước các vấn đề chính trị và họ đã không bảo vệ Đảng khi chính biến xảy ra.

Khi dân chủ trong Đảng không được phát huy thì tất yếu dân chủ trong xã hội cũng bị hạn chế. Đương nhiên, trong xã hội thì luôn tồn tại mâu thuẫn, nhưng căn bệnh “tả khuynh” đã biến mâu thuẫn thông thường thành mâu thuẫn đối kháng, biến các ý kiến phản biện thành ý đồ tạo phản. Nhiều người đã bị quy oan là “kẻ thù của nhân dân” và bị cách li khỏi đời sống xã hội. Như vậy, học thuyết đấu tranh giai cấp của Chủ nghĩa Mác-Lênin đã bị “cường điệu hóa”, việc đấu tranh giai cấp trở thành mục tiêu, chứ không còn là phương tiện. Đảng Cộng sản Liên Xô cũng phạm sai lầm trong chính sách dân tộc. Mục tiêu nhất thể hóa các dân tộc, tạo lập dân tộc Xô viết và quá đề cao văn hóa Nga, ngôn ngữ Nga đã đi ngược lại nguyên tắc bình đẳng và quyền dân tộc tự quyết của V.I.Lênin.

Thứ năm, do thiên kiến trong cách đánh giá về chủ nghĩa tư bản, sự tuyệt đối hóa vấn đề ý thức hệ, chủ trương cùng tồn tại hòa bình của Đảng Cộng sản Liên Xô không thể hiện thực hóa trên thực tế. Vì thế, Mỹ và Liên Xô vẫn rơi vào tình trạng đối đầu và Liên Xô đã bỏ qua nhiều cơ hội hợp tác, thi đua, cạnh tranh với các nước tư bản chủ nghĩa. Việc duy trì vai trò “hạt nhân” trong hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa và chủ trương mở rộng vùng ảnh hưởng bằng cách tăng cường sự viện trợ, việc đầu tư rất lớn cho quốc phòng nhằm tạo thế cân bằng với Mỹ... đều làm suy kiệt ngân sách.

Thứ sáu, một yếu tố nữa làm cho sự phát triển của Liên Xô đầu những năm 1980 trở nên khó khăn là do sự xáo trộn liên tục về nhân sự. Tháng 11/1982, Tổng Bí thư Brêghionhép qua đời. Tổng Bí thư kế nhiệm là Andrôpốp cũng chỉ tại vị đến tháng 2/1984. Người thay thế là Chernenko cũng lại qua đời vào tháng 3/1984. Gorbachốp trở thành người đứng đầu Đảng khi mới 54 tuổi.

Tóm lại, do sự bảo thủ, giáo điều trong nhận thức nên những khiếm khuyết, sai lệch trong

quá trình vận dụng Chủ nghĩa Mác-Lênin vào thực tiễn của Liên Xô đã không được sửa chữa kịp thời và kiên quyết. Nó cứ âm thầm phát tác và kết quả là, tốc độ, phát triển của Liên Xô ngày càng chậm lại. Đến đầu những năm 1980, trên quê hương của Cách mạng Tháng Mười đã xuất hiện những dấu hiệu *tiền khủng hoảng*.

2. Ý nghĩa và bài học đối với Việt Nam hiện nay

Việc tìm hiểu công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô giai đoạn 1953 - 1985 giúp chúng ta rút ra kết luận: Những khó khăn, sai lầm dẫn đến đổ vỡ của Liên Xô không phải là “định mệnh”, không phải do sai lầm của học thuyết Mác - Lênin, mà bắt nguồn từ những sai lầm trong nhận thức của Đảng Cộng sản Liên Xô về chủ nghĩa xã hội và con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nhận thức rõ điều đó, niềm tin của chúng ta vào tương lai của chủ nghĩa xã hội sẽ được củng cố. Điều đó giúp chúng ta tránh khỏi nguy cơ “chệch hướng xã hội chủ nghĩa” - một trong 4 nguy cơ lớn của cách mạng Việt Nam. Mặt khác, những khó khăn, trắc trở trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của Liên Xô sẽ giúp chúng ta hiểu rõ rằng: Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội không phải là một con đường thẳng tắp, dễ dàng; những người cộng sản phải kiên trì tìm kiếm những phương thức mới để viết tiếp những trang sử mới của chủ nghĩa xã hội hiện thực.

Không chỉ là niềm tin, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô giai đoạn 1953-1985 còn để lại những bài học quý báu để trên cơ sở đó, con người sẽ có nhận thức và hành động đúng đắn.

Một là, Đảng phải đứng vững trên mảnh đất thực tiễn của Việt Nam và xu thế chung của thời đại để vận dụng học thuyết Mác - Lênin về chủ nghĩa xã hội. Xây dựng chủ nghĩa xã hội trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế vào lúc phong trào cộng sản đang rơi vào thoái trào, là một công việc vô cùng mới mẻ và khó khăn. Chúng ta phải vừa làm, vừa đối chiếu với các nguyên lý của Chủ nghĩa Mác - Lênin và rút ra kinh nghiệm, tổng kết ra lý luận để rồi

lí luận đó lại mở đường cho thực tế phát triển. Lúc này, Đảng phải vừa trung thành, vừa sáng tạo, vừa bảo vệ, vừa phát triển Chủ nghĩa Mác - Lênin trên tinh thần biện chứng. Cần tránh cả căn bệnh “giáo điều” lẫn “xét lại”, tránh cả nguy cơ “tả khuynh” lẫn “hữu khuynh” vì tất cả chúng đều để lại những hậu quả khôn lường.

Hai là, phải ra sức kế thừa các thành tựu khoa học - công nghệ và kinh nghiệm quản lí của các nước phát triển. Trước đây, do sự cực đoan về vấn đề ý thức hệ, Liên Xô đã bỏ qua nhiều cơ hội hợp tác, thi đua, cạnh tranh với các nước tư bản chủ nghĩa và như thế có nghĩa là, đã bỏ qua nhiều cơ hội phát triển. Trong thế giới hội nhập ngày nay, không nước nào có thể phát triển nếu biệt lập với phần thế giới rộng lớn còn lại. Khái niệm “kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa” cho thấy, chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam vẫn còn là vấn đề của tương lai. Trên con đường vận động đến tương lai đó theo mô hình “phát triển rút ngắn”, chúng ta phải nỗ lực hội nhập và tận dụng tri thức của nhân loại. Nếu không biến khoa học thành lực lượng sản xuất trực tiếp, không học tập được kinh nghiệm quản lí của các nước phát triển thì chủ nghĩa xã hội sẽ mãi chỉ là “giấc mộng”.

Ba là, phải thường xuyên đổi mới, chỉnh đốn và kịp thời khắc phục các hiện tượng suy thoái trong Đảng để Đảng đủ năng lực đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp cách mạng. Sự phát triển ngày càng khó khăn của Liên Xô trong giai đoạn 1953 - 1985 đã chứng minh rằng: Quá trình phát triển nào cũng luôn hàm chứa nguy cơ sai lầm, xung đột, mâu thuẫn. Đó là điều tất yếu, thậm chí, mâu thuẫn còn là động lực cho sự phát triển. Tuy nhiên, không được để các vấn đề tiêu cực tích tụ, dồn nén quá mức. Khi cái sai nhỏ biến thành cái sai lớn, mâu thuẫn nhỏ trở thành mâu thuẫn lớn, vượt quá giới hạn chịu đựng của xã hội thì sự đổ vỡ tất yếu sẽ diễn ra. Muốn hoàn thành sứ mệnh là người lãnh đạo công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội - đích đến của xã hội loài người, bản thân Đảng phải nâng mình lên một tầm cao mới, phải trở thành hiện thân của đạo đức và trí tuệ. Muốn thế, đổi mới

Đảng phải là công việc thường xuyên, chỉnh đốn Đảng phải là nhiệm vụ then chốt.

Bốn là, Đảng phải ra sức củng cố mối quan hệ với dân, khơi dậy sức mạnh và nhiệt huyết của nhân dân, vì cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, nếu mất đánh mất sự ủng hộ, lòng tin của dân thì Đảng không còn sức mạnh. Cần thẳng thắn thừa nhận rằng, những khó khăn của giai đoạn 1953 - 1985 và sau này là sự sụp đổ của Liên Xô, phần nhiều bắt nguồn từ nguyên nhân chủ quan, cụ thể là từ sự suy thoái về đạo đức và xa cách nhân dân của Đảng Cộng sản Liên Xô, còn sự chống phá của kẻ địch đế quốc chỉ là “giọt nước tràn ly”. Thảm kịch của Liên Xô đã nhắc nhở những người cộng sản rằng: Muốn xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, những người cộng sản Đảng phải có mối liên hệ mật thiết với dân, phải dựa vào dân để xây dựng Đảng và dựa vào dân để thực sự vì dân. Đó còn là bài học về tôn trọng “quyền dân tộc tự quyết”, về sự kết hợp hài hòa lợi ích giai cấp với lợi ích dân tộc, về việc giúp đỡ các dân tộc khác theo thực lực của mình...

Có thể khẳng định: Sự phát triển của Liên Xô trong giai đoạn 1953 - 1985 chính là sự thử nghiệm của một mô hình chủ nghĩa xã hội cụ thể. Mô hình này đã không hiện thực hóa được tư tưởng, mục tiêu cao cả của Chủ nghĩa Mác-Lênin và đã bị lịch sử loại bỏ. Tuy nhiên, chủ nghĩa xã hội với tư cách là lí tưởng và xu thế phát triển thì sẽ còn lại mãi mãi. Dù vậy, khi nào chủ nghĩa xã hội sẽ trở thành hiện thực trên thế giới và ở Việt Nam, thì trước hết, phụ thuộc vào khả năng khắc phục cái sai, tìm đến cái đúng và bản lĩnh trung thành một cách sáng tạo của những người cộng sản chân chính. □

(1), (2) và (4) Nguyễn Quốc Hùng - Nguyễn Thị Thư, *Lược sử Liên bang Nga 1917-1991*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội, 2002, tr. 183 - 192, 222 và 225

(3), (5) và (6) Nguyễn Anh Thái, *Lịch sử thế giới hiện đại từ 1945 đến 1995*, quyển A, Nhà xuất bản Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 1999, tr. 166 - 167, 166 và 221

(7) N.C.Baibacóp, *Từ Xtalin đến Enxin*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2001, tr. 346.